



KAOHSIUNG OPEN 2019
GROUPINGS & STARTING TIMES FOR ROUND 2
 2019 高雄公開賽 第二回合編組表
 KAOHSIUNG Golf And Country Club 高雄高爾夫球場



上午場 Morning Session

ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-	ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-
Group	Time	Tee						Group	Time	Tee					
1	06:30	1	Hao Yang	楊 豪	TWN	80	8	13	06:35	10	Hsu Mong Nan	許孟男	TWN	73	1
			Hsu Yu Cheng (A)	許育誠 (A)	TWN	72	E				Hung Jui Cheng	洪瑞誠	TWN	74	2
2	06:39	1	Chen Po Hao	陳伯豪	TWN	76	4	14	06:44	10	Chen Hui Hung	陳暉泓	TWN	84	12
			Wang Shioh Jui	王士瑞	TWN	76	4				Yang Fei Hao	楊斐皓	TWN	72	E
			Chang Chien Chi	張建棋	TWN	77	5				Chen Jui Sheng	陳睿昇	TWN	69	-3
3	06:48	1	Huang Kuan Hsun	黃冠勳	TWN	74	2	15	06:53	10	Chen Kuei Yu	陳奎宇	TWN	79	7
			Bibat, Michael		PHL	79	7				Oiwa Ryaichi	大岩 龍一	JPN	71	-1
4	06:57	1	Chen Yi You	陳逸祐	TWN	72	E	16	07:02	10	Hsu Li Peng	許立朋	TWN	72	E
			Okada Genki	岡田 絃希	JPN	68	-4				Yoshikuwa Yuta	吉桑 佑太	JPN	68	-4
			Chen Jung Hsin	陳榮興	TWN	75	3				Lin Chie Hsiang	林吉祥	TWN	75	3
5	07:06	1	Hsieh Tung Hung	謝東宏	TWN	68	-4	17	07:11	10	Lin Yung Lung	林永龍	TWN	70	-2
			Ababa, Jhonnell		PHL	77	5				LASCUÑA, TONY		PHL	73	1
6	07:15	1	K.P. LIN	林冠伯	TWN	75	3	18	07:20	10	Chen Tze Chung	陳志忠	TWN	73	1
			Lu Wei Chih	呂偉智	TWN	72	E				Tseng Tzu Hsuan	曾子軒	TWN	78	6
			Wang Wei Lun	王偉倫	TWN	70	-2				Suzuki Yudai	鈴木 優大	JPN	77	5
7	07:24	1	Lin Wen Tang	林文堂	TWN	70	-2	19	07:29	10	Chen Yi Tong	陳裔東	TWN	74	2
			Sung Mao Chang	宋孟璋	TWN	73	1				Lin Keng Chi	林根基	TWN	78	6
			Yeh Yu Chen	葉昱辰	TWN	74	2				Artjanawat, Wisut		THA	73	1
8	07:33	1	Chiu Han Ting	邱瀚霆	TWN	73	1	20	07:38	10	Lu Chien Soon	盧建順	TWN	74	2
			Shen Wei Cheng	沈威成	TWN	73	1				Chen Chun Li	陳君吏	TWN	78	6
			Lin Wen Ko	林文科	TWN	70	-2				Bayron, Jay		PHL	73	1
9	07:42	1	Yeh Wei Tze	葉偉志	TWN	70	-2	21	07:47	10	Yeh Chang Ting	葉彰廷	TWN	75	3
			Peng Hung Ching	彭弘瑾	TWN	70	-2				Tsai Chuan Chih	蔡顯至	TWN	73	1
			Jaraula, Reymon		PHL	71	-1				Tsai Jui Chieh	蔡瑞杰	TWN	80	8
10	07:51	1	Huang Chi	黃 頌	TWN	70	-2	22	07:56	10	Hong Chia Yuh	洪家煜	TWN	75	3
			Huang Bo Rui	黃柏叡	TWN	71	-1				Hung Chun Kang	洪駿剛	TWN	78	6
			Lien Lu Sen	連驥森	TWN	74	2				Chiang Chen Chih	蔣宸麟	TWN	76	4
11	08:00	1	Willy Chen (A)	陳璋利 (A)	TWN	74	2	23	08:05	10	Huang Yu Hsiang (A)	黃郁翔 (A)	TWN	79	7
			Lai Chia I	賴嘉一	TWN	76	4				Chang Hsiu Chi	張修齊	TWN	74	2
			Hsu Chih Jieh	許智傑	TWN	79	7				Lai Wei Lun	賴韋綸	TWN	75	3
12	08:09	1	Chen Yu Chen (A)	陳宥蓁 (A)	TWN	78	6	24	08:14	10	Cheng Nien Tsung (A)	鄭念宗 (A)	TWN	76	4
			Tsai Che Hung	蔡哲弘	TWN	74	2				Lin Cheng Yu	林晟毓	TWN	81	9
			Tseh Hong Sheng	曾宏勝	TWN	74	2				Ko Chih Ta	柯志達	TWN	76	4
			Hsieh Min Hsuan	謝旻軒	TWN	72	E				Lee Shih Hung	李士鴻	TWN	76	4



KAOHSIUNG OPEN 2019
GROUPINGS & STARTING TIMES FOR ROUND 2
 2019 高雄公開賽 第二回合編組表
 KAOHSIUNG Golf And Country Club 高雄高爾夫球場



下午場 Afternoon Session

ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-	ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-
Group	Time	Tee						Group	Time	Tee					
25	11:05	1	Lin Yuan Wei	林遠惟	TWN	79	7	36	11:00	10	Hsu Chih Kai	許智凱	TWN	74	2
			Tsai Tsung Yu	蔡宗佑	TWN	73	1				Cho Tsung Lin	卓宗霖	TWN	75	3
			Pan Guan Hao (A)	潘冠豪 (A)	TWN	77	5				Huang Mao Fu (A)	黃茂富 (A)	TWN	83	11
26	11:14	1	Tseng Tzu Hao	曾子豪	TWN	76	4	37	11:09	10	Chang Tse Yu	張哲瑜	TWN	76	4
			Liu Tse Sen	劉澤森	TWN	75	3				Tsai Ching Yang (A)	蔡勁陽 (A)	TWN	81	9
			Pan Guan Wun (A)	潘冠文 (A)	TWN	79	7								
27	11:23	1	Tsai Tsung Yu	蔡叢宇	TWN	73	1	38	11:18	10	Hsu Hung Hsuan	許閎軒	TWN	74	2
			Cheng Tswen Chen	鄭存宸	TWN	75	3				Gustavo Chuang	莊達鴻	BRA	78	6
			Lee Chi Tsung	李啟宗	TWN	77	5				Wang His An	王璽安	TWN	72	E
28	11:32	1	He Chin Hung	何勁宏	TWN	74	2	39	11:27	10	Lin Shang Tse	林尚澤	TWN	76	4
			Su Ching An	蘇清安	TWN	76	4				Lee Wei Lin	李威霖	TWN	74	2
			Wang Ter Chang	汪德昌	TWN	75	3				Huang Yi Tseng	黃議增	TWN	76	4
29	11:41	1	Atwal Jaiveer		IND	80	8	40	11:36	10	Ho Teddy	何嘉樂	HK	81	9
			Wang Jen Li	王人立	TWN	75	3				Kao Teng	高 藤	TWN	75	3
			Wang Tsung Chieh	汪聰傑	TWN	72	E				Lee Cho Chuan	李卓全	TWN	72	E
30	11:50	1	U-Minn Woon	溫又鳴	MAS	72	E	41	11:45	10	Hsiao Hung Yu	蕭宏宇	TWN	78	6
			Lu Wen Teh	呂文德 52	TWN	67	-5				Huang Hsiang Hao	黃祥豪	TWN	76	4
			Liu Yu Jui	劉又睿	TWN	71	-1								
31	11:59	1	Wang Wei Hsiang	王偉祥	TWN	74	2	42	11:54	10	Sakulpolphaisan Chanat		THA	76	4
			Uthaiipas, Pannakorn		THA	72	E				Lee Chao Hua	李昭樺	TWN	79	7
			Lee Chieh Po	李玠柏	TWN	71	-1				Ho Yu Cheng	何祐誠	TWN	72	E
32	12:08	1	Sirboonkaew Attaphon		THA	77	5	43	12:03	10	Chan Yin Shin	詹益信	TWN	72	E
			Wang Wei Hsuan	王偉軒	TWN	74	2				Lin Keng Wei	林耕緯	TWN	77	5
			Hsieh Chi Hsien	謝繼賢	TWN	74	2				Zhang Ting Jia	張庭嘉	TWN	83	11
33	12:17	1	Muenluk Panuwat		THA	75	3	44	12:12	10	Hsu Chia Shen	許佳紳	TWN	72	E
			Chang Tse Peng	張澤鵬	TWN	71	-1				Fan Chiang Hao Chuan	范姜皓詮	TWN	72	E
			David Shen	沈代偉	TWN	74	2				Hu Ke	胡 克	TWN	74	2
34	12:26	1	Wen Cheng Hsiang	溫楨祥	TWN	78	6	45	12:21	10	Wen Chih Hao	溫志豪	TWN	73	1
			Lu Wen Der	呂文德 59	TWN	74	2				Chang Chi Chun	張奇駿	TWN	79	7
			Yang Chun Chieh (A)	楊浚頡 (A)	TWN	72	E				Liu Yung Hua (A)	劉永華 (A)	TWN	67	-5
35	12:35	1	Chang Yao Pin	張耀濱	TWN	76	4	46	12:30	10	Lee Chin Chou	李謹州	TWN	77	5
			Su Yen Wei	蘇彥瑋	TWN	78	6				Fang Yin Jen	方胤人	TWN	70	-2
			Wu Yao Wei (A)	巫耀微 (A)	TWN	72	E				Lin Ta Yu	林大鎬	TWN	76	4